

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/DS-ST

Ngày: 22-5-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lý Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A); địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc A;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật T – Giám đốc A - Chi nhánh Đ (theo quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc A).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Hữu T1 – Trưởng phòng khách hàng A - Chi nhánh Đ (theo quyết định ủy quyền số 242/QĐ-NHNo-ĐP ngày 21/5/2025 của Giám đốc A - Chi nhánh Đ). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1966 và bà Võ Thị H, sinh năm 1937; cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 06/12/2024, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Theo Giấy phương án vốn ngày 09/10/2020 của bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H, ngày 09/10/2020 Ngân hàng N - Chi nhánh Đ đã ký hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202002720 với bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H, cụ thể: Hạn mức cho vay là 200.000.000đồng; mục đích vay vốn: Mua bò giống.

Ngân hàng N - Chi nhánh Đ đã giải ngân cho bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H nhận số tiền vay 100.000.000đồng theo báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 09/10/2020; thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 09/10/2020 đến ngày 09/10/2022; phương thức trả nợ: Bên vay trả nợ gốc 100.000.000đồng vào ngày 09/10/2022, kỳ hạn trả lãi: 06 tháng/lần; lãi suất cho vay là 10,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay trong hạn; lãi suất chậm trả là 8%/năm tính trên số dư chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, bà T2 và bà H đã trả cho Ngân hàng 10.304.383đồng tiền lãi. Tạm tính đến ngày 06/12/2024 bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 144.941.906 đồng, trong đó: Nợ gốc là 100.000.000đồng; nợ lãi là 44.941.906đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà T2 và bà H đã trả cho Ngân hàng 100.000.000đồng tiền nợ gốc. Tính đến ngày 22/5/2025, bà T2 và bà H còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền lãi là 46.396.176đồng, trong đó: Lãi trong hạn là 33.709.315đồng; lãi quá hạn là 6.443.836đồng; lãi chậm trả là 6.243.025đồng.

Do đó, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ lãi nêu trên và tiền lãi chậm trả, phí phát sinh theo lãi suất các bên đã thỏa thuận cho đến khi bà T2 và bà H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H nhưng bà T2 và bà H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202002720 ngày 09/10/2020 là 46.396.176đồng, trong đó: Lãi trong hạn là 33.709.315đồng; lãi quá hạn là 6.443.836đồng; lãi chậm trả là 6.243.025đồng. Bà T2 và bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H có nơi cư trú tại thôn B, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Ngày 09/10/2020 bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H đã ký với Ngân hàng N - Chi nhánh Đ hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202002720 để vay tiền với hạn mức cho vay là 200.000.000đồng; mục đích vay vốn: Mua bò giống. Nội dung và hình thức của hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều không có yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tín dụng nêu trên vô hiệu. Do đó, hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp.

[2.2] Căn cứ theo báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 09/10/2020 thể hiện: Ngân hàng N - Chi nhánh Đ đã giải ngân cho bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H nhận số tiền vay 100.000.000đồng; thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 09/10/2020 đến ngày 09/10/2022.

[2.3] Trong quá trình trả nợ vay, bà T2 và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, tạm tính đến ngày 06/12/2024 bà T2 và bà H chỉ mới trả cho Ngân hàng 10.304.383 đồng tiền lãi, còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 144.941.906 đồng, trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; nợ lãi là 44.941.906 đồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà T2 và bà H đã trả xong cho Ngân hàng 100.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/5/2025), bà T2 và bà H còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền lãi là 46.396.176 đồng, trong đó: Lãi trong hạn là 33.709.315 đồng; lãi quá hạn là 6.443.836 đồng; lãi chậm trả là 6.243.025 đồng. Vì vậy, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T2 và bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi nêu trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết tại các hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Mặc dù bà Võ Thị H đã trên 60 tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, do bà H không có đơn đề nghị miễn án phí nộp cho Tòa án kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn nên Hội đồng xét xử không xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: $46.396.176 \text{ đồng} \times 5\% = 2.319.800 \text{ đồng}$.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.623.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N .
2. Buộc bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202002720 ngày 09/10/2020 là 46.396.176đồng (bốn mươi sáu triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó:
 - Lãi trong hạn là 33.709.315đồng (ba mươi ba triệu bảy trăm linh chín nghìn ba trăm mười lăm đồng);
 - Lãi quá hạn là 6.443.836đồng (sáu triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng);
 - Lãi chậm trả là 6.243.025đồng (sáu triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn không trăm hai mươi lăm đồng).
3. Kể từ ngày 23/5/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 4508-LAV-202002720 ngày 09/10/2020.
4. Về án phí: Bà Phạm Thị T2 và bà Võ Thị H phải chịu 2.319.800đồng (hai triệu ba trăm mười chín nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
 Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.623.000đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004704 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.
6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong

